



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Ngày 30/06/2025	19,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.6%	-3.5%	-4.2%

DT thuần Q2/25
2,081
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 654 45.8%
YoY: ▼ 105 -4.8%

LN thuần Q2/25
365
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 321 737%
YoY: ▲ 243 199%

LN sau thuế Q2/25
326
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 289 782%
YoY: ▲ 204 167%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
18.4%
YoY: +/- ▲ 14.5%

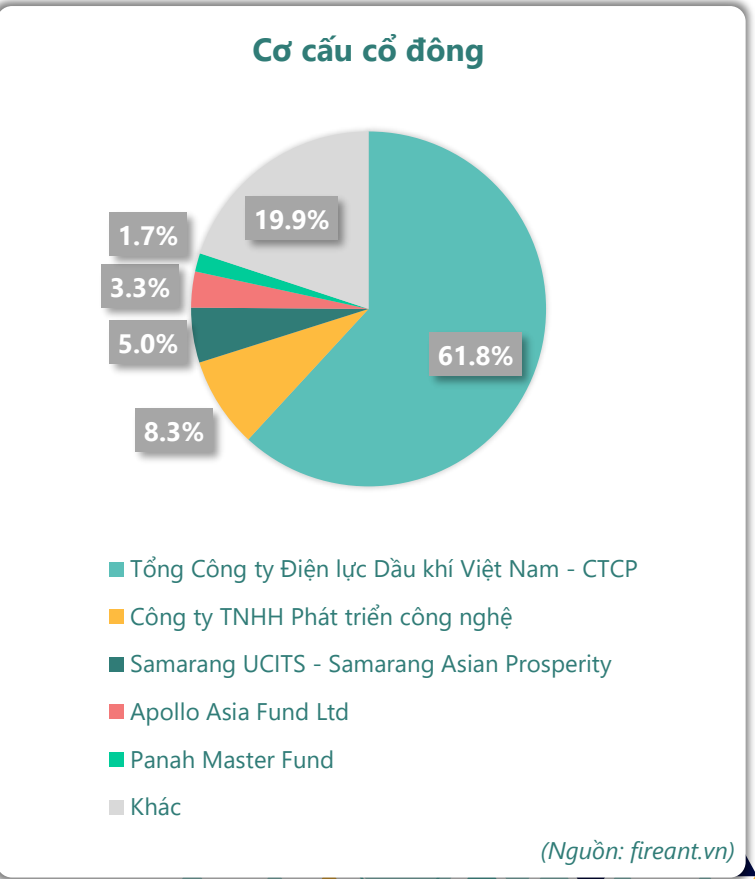
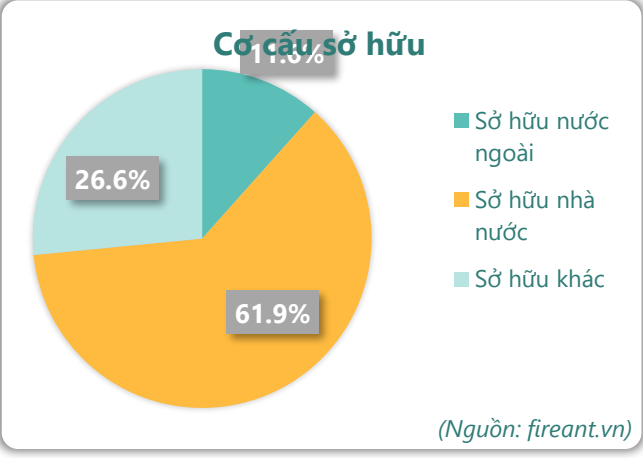
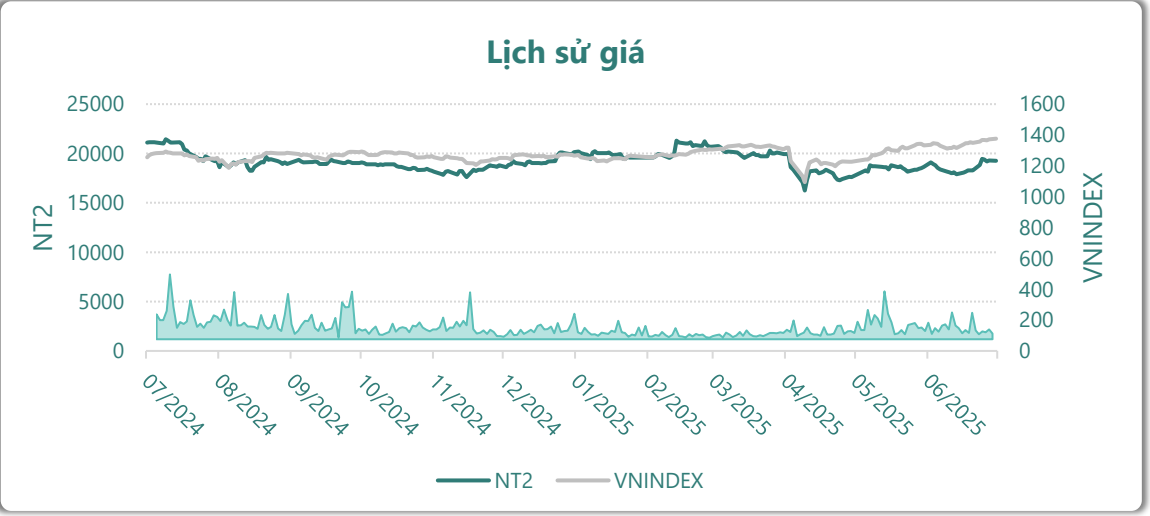
ROE (TTM) Q2/25
11.3%
YoY: +/- ▲ 4.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,250 - 21,440
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,542
Số lượng CPLH (CP)	287,876,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	952,490
Sở hữu nước ngoài	11.6%
Beta	0.95
EPS	1,638
P/E	11.8

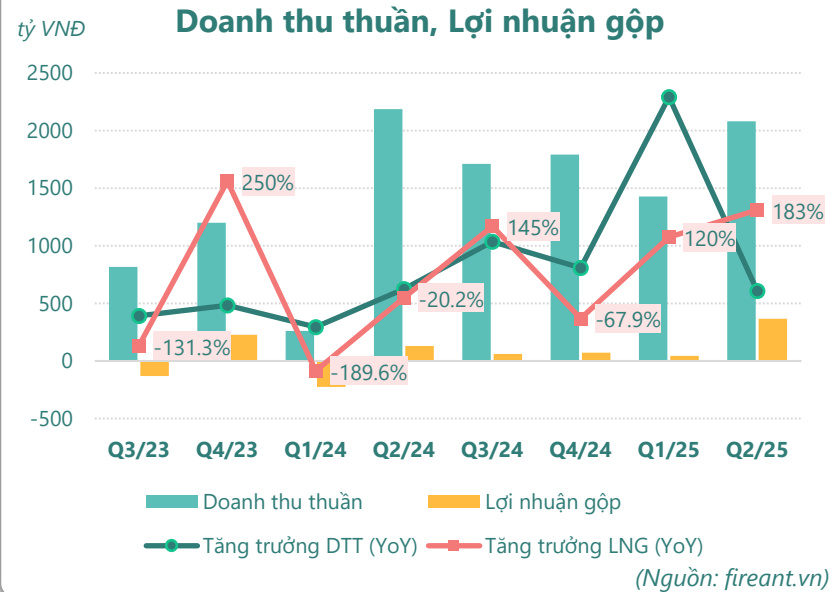
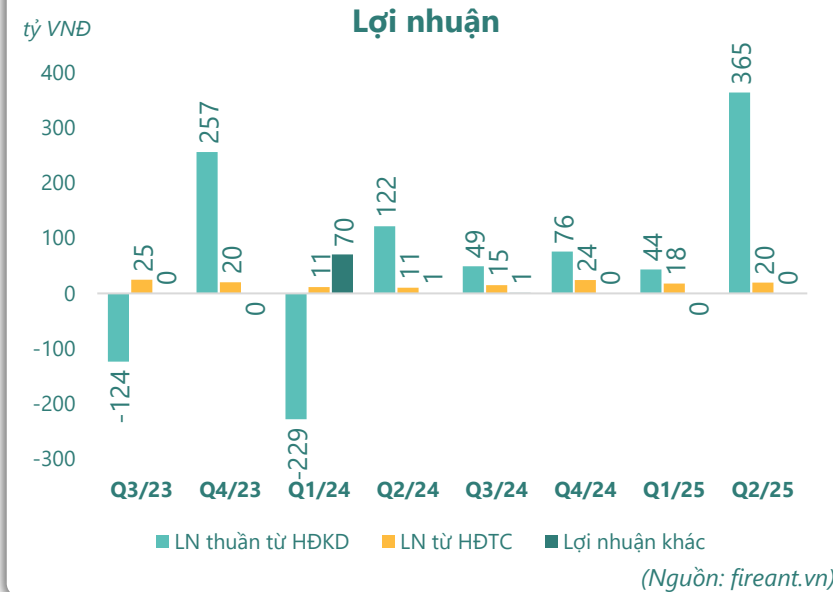
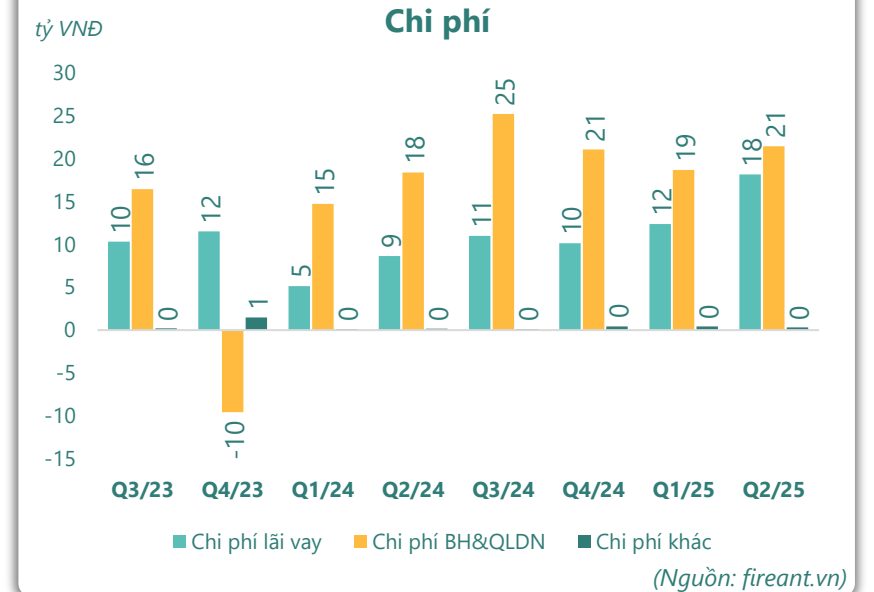
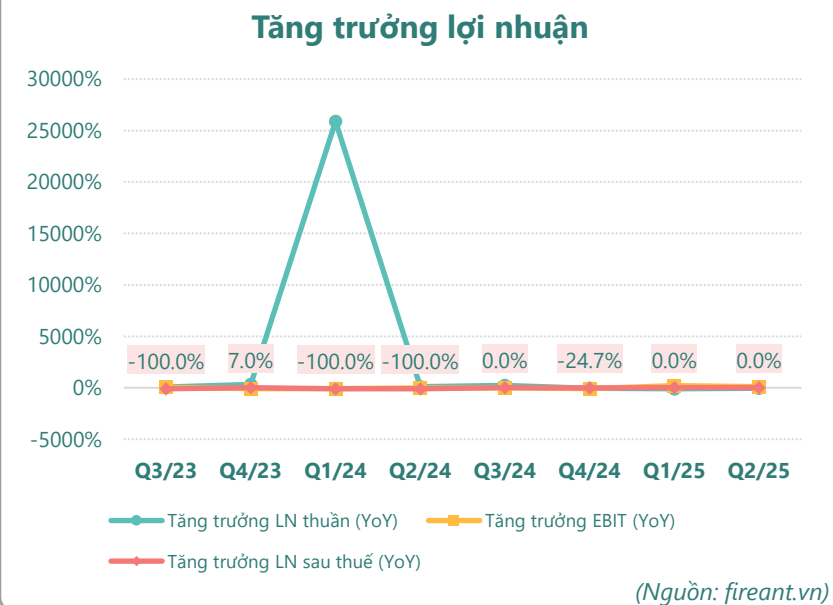
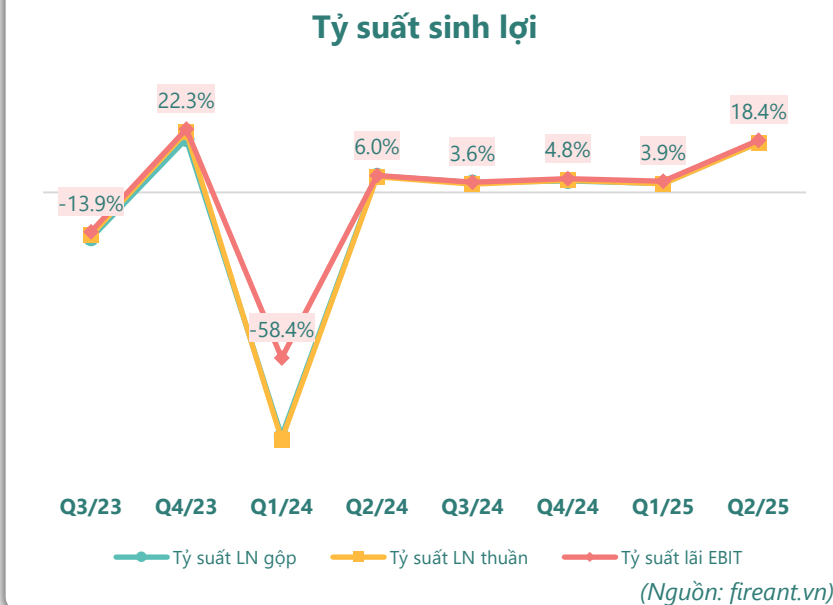
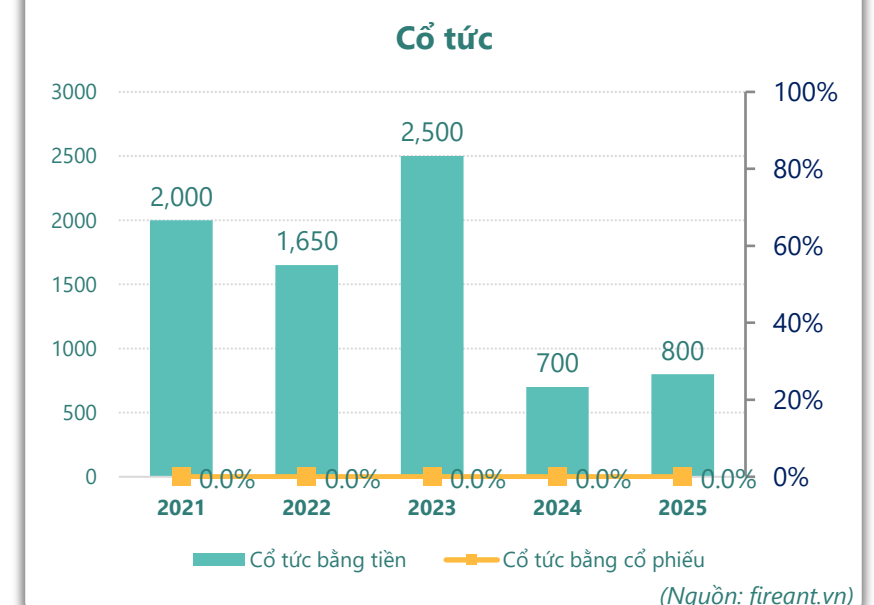
DT thuần 6T 2025
3,508
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,060 43.3%

LN thuần 6T 2025
408
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 515 482%

LN sau thuế 6T 2025
363
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 399 1110%



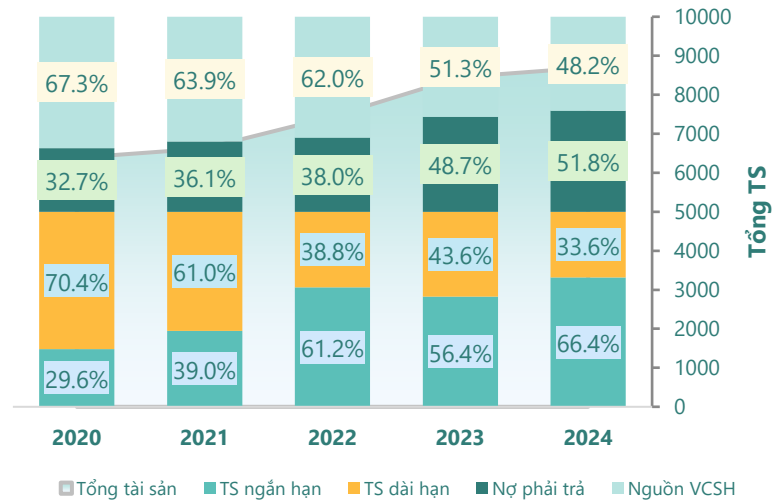
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

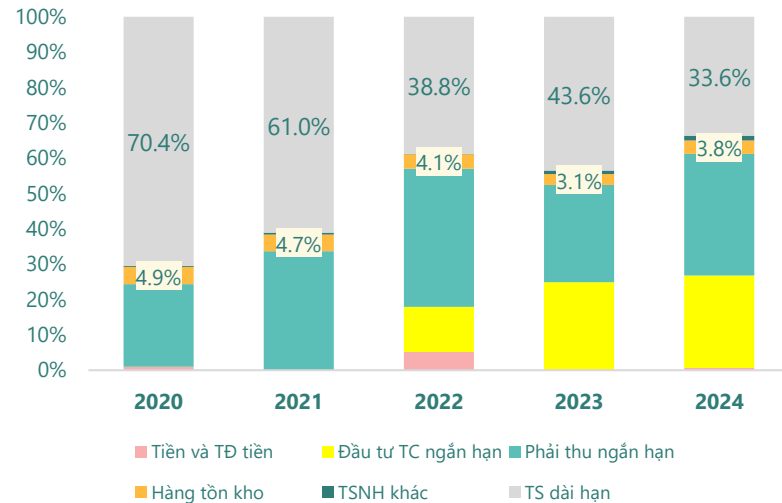
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

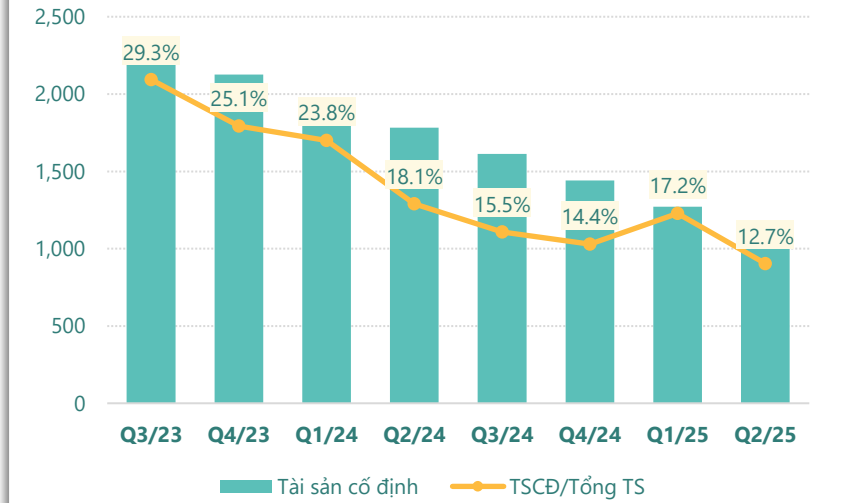
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

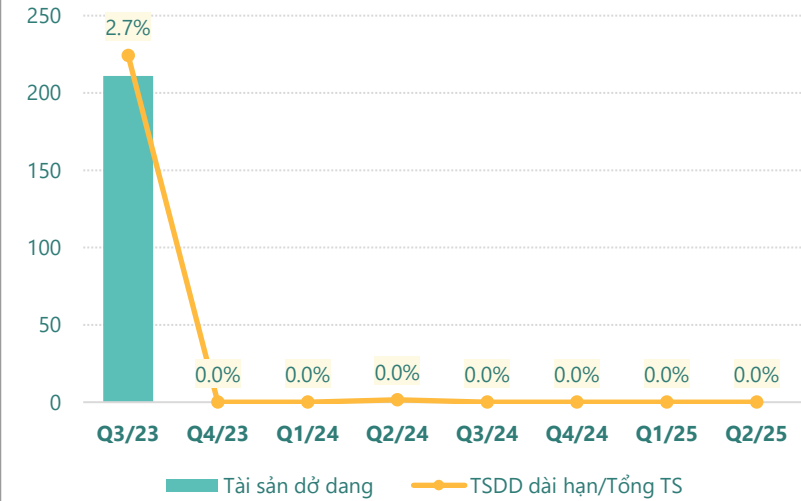
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

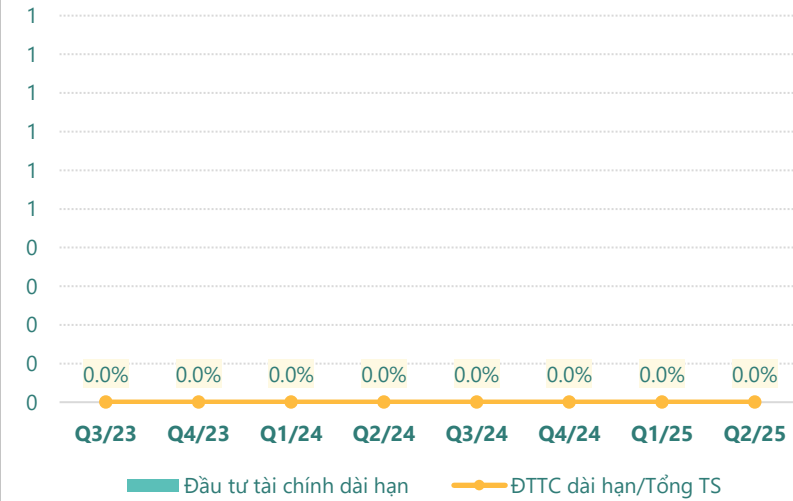
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

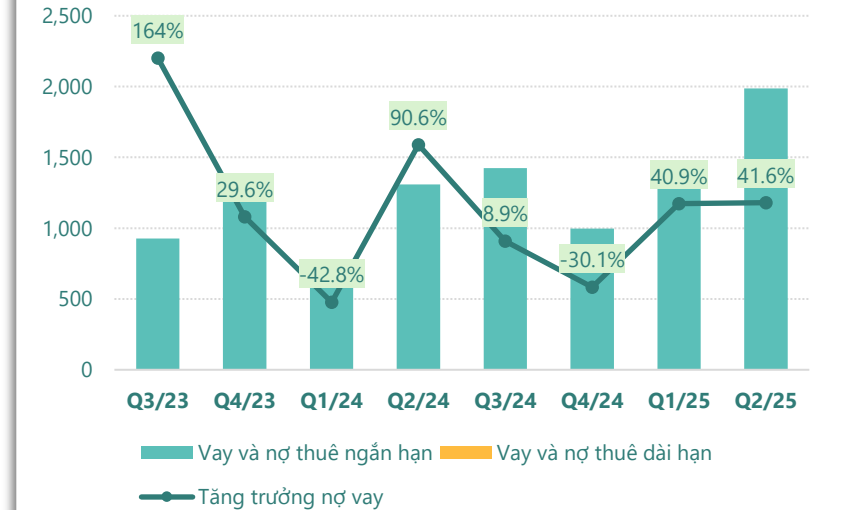
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

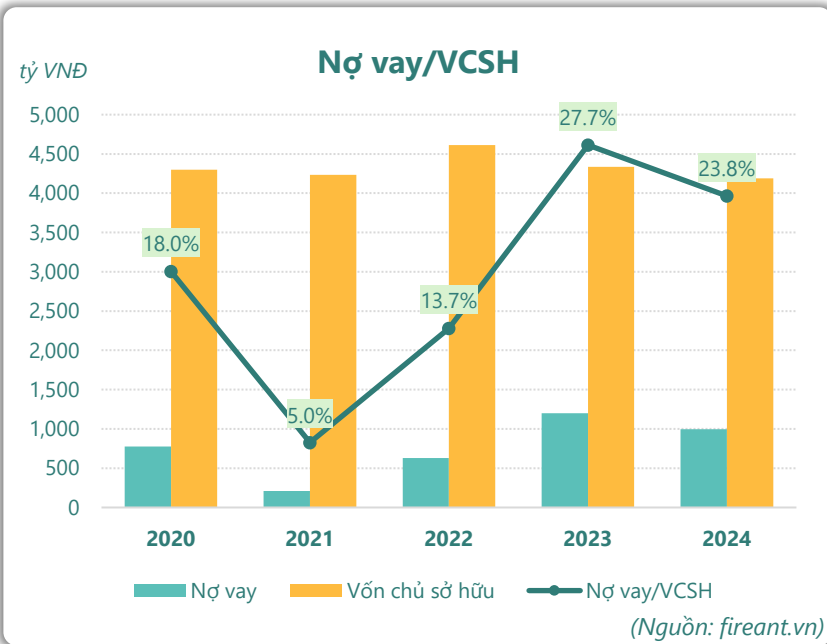
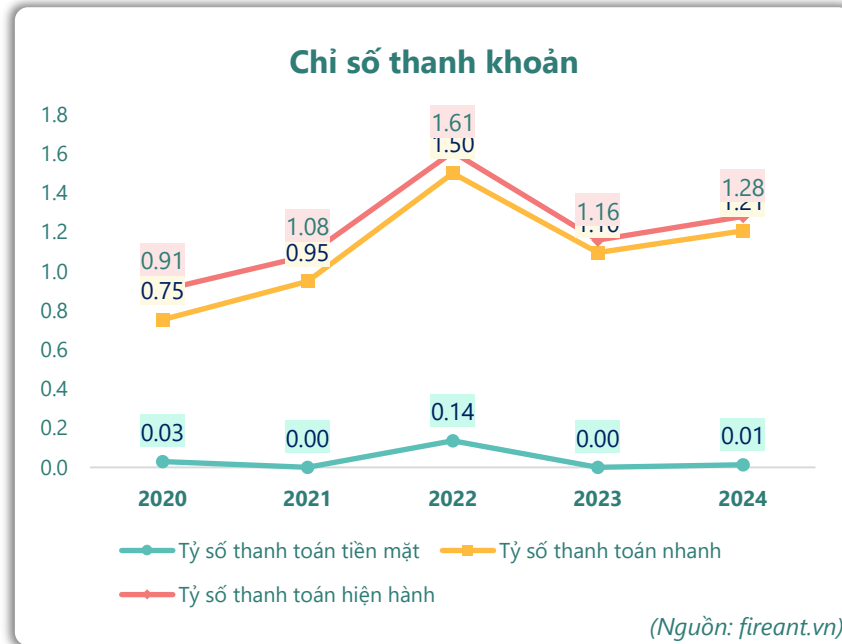
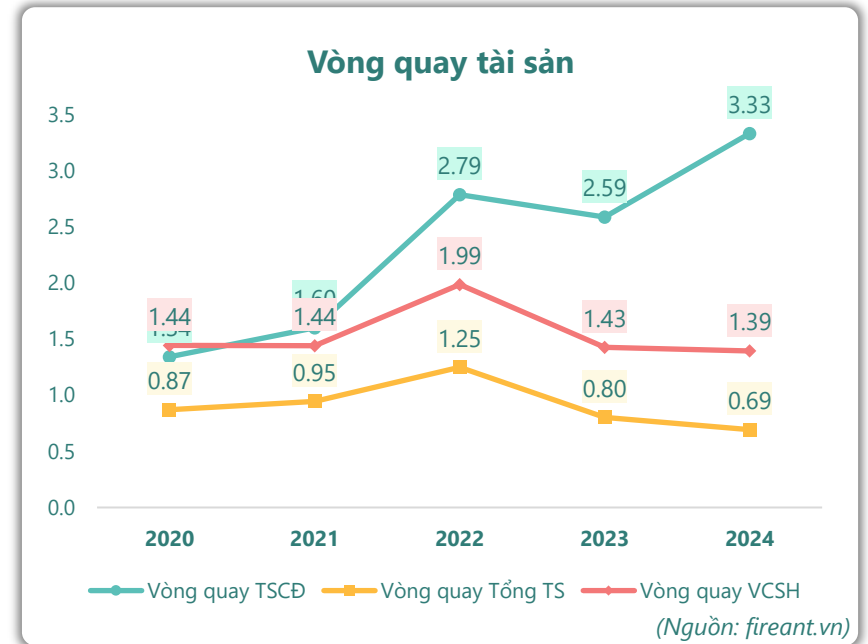
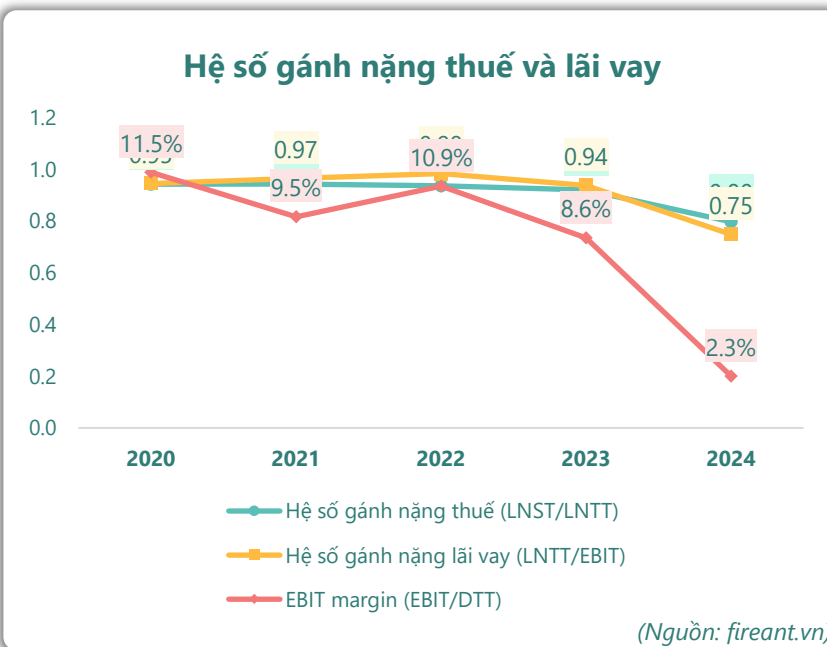
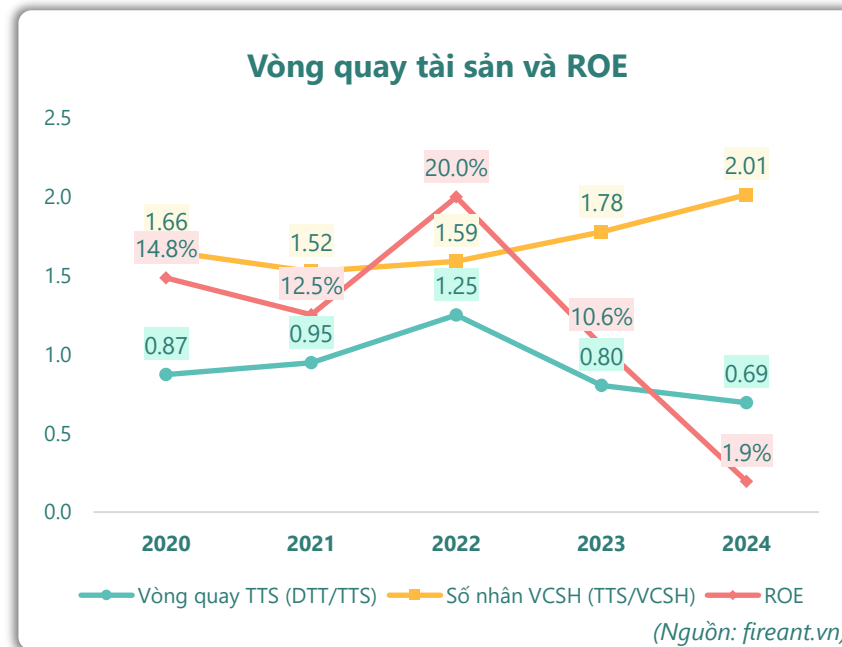
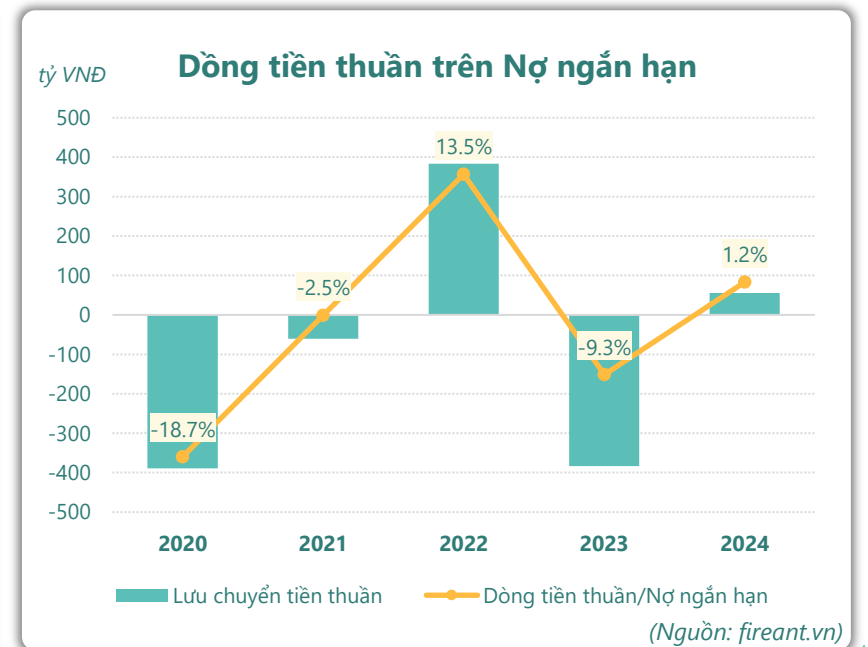
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,081	2,186	-4.8%	3,508	2,448	43.3%
Giá vốn hàng bán	1,715	2,057	-16.6%	3,097	2,544	21.7%
Lợi nhuận gộp	367	130	182%	411	-95.9	529%
Doanh thu HĐTC	38.0	19.2	97.9%	69.3	38.6	79.8%
Chi phí TC	18.4	8.69	112%	32.0	16.6	93.3%
Chi phí lãi vay	18.2	8.66	110%	30.5	13.8	122%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	21.4	18.4	16.5%	40.1	33.1	21.1%
LN thuần từ HĐKD	365	122	199%	408	-107	482%
Lợi nhuận khác	0.01	0.57	-97.8%	-0.04	71.1	-100%
LN trước thuế	365	122	199%	408	-36.0	1235%
Lợi nhuận sau thuế	326	122	167%	363	-36.0	1110%
LNST của CĐ cty mẹ	326	122	167%	363	-36.0	1110%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-226	204	400	150	-169	501
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	947	-796	-550	332	-56.8	-1,072
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-715	622	117	-428	178	584
Tiền đầu kỳ	1.15	6.97	35.7	3.06	57.0	8.74
Lưu chuyển tiền thuần	5.82	28.7	-32.7	53.9	-48.2	12.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.97	35.7	3.06	57.0	8.74	20.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,715	8,698	0.2%
Tài sản ngắn hạn	7,219	5,774	25.0%
Tiền và tương đương tiền	20.8	57.0	-63.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,433	2,273	51.0%
Phải thu ngắn hạn	3,394	2,989	13.6%
Hàng tồn kho	345	333	3.8%
Tài sản ngắn hạn khác	25.3	122	-79.3%
Tài sản dài hạn	1,496	2,924	-48.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,103	1,442	-23.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	393	1,482	-73.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,421	4,509	-2.0%
Nợ ngắn hạn	4,421	4,509	-2.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,988	996	99.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,257	2,253	-44.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,294	4,189	2.5%
Vốn chủ sở hữu	4,294	4,189	2.5%
Vốn điều lệ	2,879	2,879	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

